

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2020/KDTM-ST
Ngày: 09-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm Sát Viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2020/TLST-KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty Đ

Địa chỉ trụ sở chính: phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Trang Thụy Thanh X**, sinh năm: 1976. Địa chỉ: đường T, ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 1579/UQ-PCBC ngày 19/5/2020).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn M – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Trang Thụy Thanh X có mặt, ông Phạm Văn M có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Tổng Công ty Đ có bà Trang Thụy Thanh X là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 10/8/2016 Tổng Công ty Đ có ký hợp đồng mua bán điện với ông Phạm Văn M - Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M cho mục đích sản xuất, số hợp đồng: 16/002637, mã khách hàng: PE15000310010, địa chỉ sử dụng điện: B3/27 ấp 2, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi ký hợp đồng mua bán điện thì ông Phạm Văn M thanh toán đầy đủ tiền điện. Tuy nhiên đến tháng 11/2019 và tháng 12/2019 thì ông Phạm Văn M - Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M không đóng tiền điện. Ông Phạm Văn M - Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền điện. Tổng Công ty Đ đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu bị đơn thanh toán tiền điện nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Do đó Tổng Công ty Đ khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông Phạm Văn M - Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M thanh toán tiền điện tháng 11/2019 và tháng 12/2019 tổng cộng là 58.945.631 đồng (Năm mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi một đồng), trong đó tiền điện tháng 11/2019 là 58.330.967 đồng và tháng 12/2019 là 614.664 đồng (Sáu trăm mười bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng); yêu cầu trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, đại diện nguyên đơn không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn M - Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M trình bày:

Ngày 10/8/2016, ông là chủ hộ kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M có ký hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Đ, cho mục đích sản xuất, số hợp đồng: 16/002637, mã khách hàng: PE15000310010. Ông có cho thuê nhà xưởng tại địa chỉ ấp H, xã L, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; theo thỏa thuận với các người thuê thì tiền điện hàng tháng sẽ do những người thuê nhà xưởng trực tiếp đóng cho công ty điện lực. Sau khi ký hợp đồng mua bán điện thì những người thuê nhà xưởng hàng tháng đóng tiền điện đầy đủ cho công ty điện lực. Tuy nhiên đến tháng 11/2019 và tháng 12/2019 thì những người thuê nhà xưởng này bỏ đi và không trả tiền điện nữa. Ông xác nhận số tiền điện còn nợ công ty điện lực tháng 11/2019 là 58.330.967 đồng và tháng 12/2019 là 614.664 đồng. Tổng cộng là 58.945.631 đồng (Năm mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi một đồng). Ông là người ký hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Đ do đó nếu Tòa án buộc ông trả tiền điện theo hợp đồng đã ký thì ông đồng ý trả tiền điện cho công ty điện lực. Hiện ông đã lớn tuổi không có khả năng lao động, không có nguồn thu nhập để trả tiền điện cho Tổng Công ty Đ nên ông yêu cầu sau khi ông xử lý xong tài sản trong nhà xưởng của những người thuê xưởng thì ông sẽ trả tiền điện.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Phạm Văn M – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M xác nhận ông có nợ tiền điện tháng 11/2019 và tháng 12/2019 tổng cộng là 58.945.631 đồng (Năm mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi một đồng) và đồng ý trả tiền điện cho Tổng Công ty Đ sau khi ông xử lý xong tài sản trong nhà xưởng của những người thuê xưởng. Ngoài ra, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn Tổng Công ty Đ là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:* Tổng Công ty Đ khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với ông Phạm Văn M - Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M về việc yêu cầu thanh toán tiền điện sử dụng vào mục đích sản xuất nên đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M có địa chỉ tại ấp H, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:*

[3] Do Hợp đồng mua bán điện số hợp đồng: 16/002637 ký kết ngày 10/8/2016 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Luật Thương mại năm 2005 và Luật Điện lực năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2012) để giải quyết.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[5] Ngày 10/8/2016 Tổng Công ty Đ có đại diện là Chi nhánh Tổng Công ty Đ – Công ty Đ2 có ký hợp đồng mua bán điện số hợp đồng: 16/002637, mã khách hàng PE15000310010 với Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M do ông Phạm Văn M làm chủ hộ.

[6] Căn cứ Điều 388 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005, Điều 22 của Luật Điện lực năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2012), Hợp đồng mua bán điện số hợp đồng: 16/002637 ký ngày 10/8/2016 có giá trị pháp lý, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng và là căn cứ để Tòa án giải quyết vụ án.

[7] Căn cứ vào Hợp đồng mua bán điện số hợp đồng: 16/002637 ký kết ngày 10/8/2016 thể hiện Tổng Công ty Đ bán điện cho Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M do ông Phạm Văn M làm chủ hộ với thời hạn 05 năm từ ngày 17/8/2016 đến

ngày 10/8/2021, nhằm mục đích sản xuất; với giá điện cụ thể như sau: (Chưa có thuế VAT).

- Giờ bình thường là: 1.518 đồng/kWh.
- Giờ cao điểm là: 2.735 đồng/kWh.
- Giờ thấp điểm là: 983 đồng/kWh.

[8] Căn cứ vào giấy báo tiền điện đợt 1-tháng 11/2019, kỳ 12/2019 từ ngày 25/10/2019 đến ngày 24/11/2019 đối với khách hàng là Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M do ông Phạm Văn M làm chủ hộ, mã khách hàng: PE15000310010 với tổng mức điện năng tiêu thụ là 30.746 KW, thành tiền là 58.330.815 đồng (Năm mươi tám triệu, ba trăm ba mươi nghìn, tám trăm mười lăm đồng), đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng.

[9] Căn cứ vào giấy báo tiền điện đợt 1-tháng 12/2019, kỳ 01/2020 từ ngày 25/11/2019 đến ngày 02/12/2019 đối với khách hàng là Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M do ông Phạm Văn M làm chủ hộ, mã khách hàng: PE15000310010 với tổng mức điện năng tiêu thụ là 216 KW, thành tiền là 614.664 đồng (Sáu trăm mười bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng), đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng.

[10] Tổng Công ty Đ đã nhắc nợ nhiều lần nhưng ông Phạm Văn M – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M vẫn không thanh toán tiền điện. Do ông Phạm Văn M – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền điện theo hợp đồng đã ký nên Tổng Công ty Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn M – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M phải trả số tiền điện chưa thanh toán tổng cộng là 58.945.631 đồng (Năm mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi một đồng), yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[11] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Phạm Văn M – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M xác nhận Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M do ông làm chủ còn nợ tiền điện tháng 11/2019 và tháng 12/2019 tổng cộng là 58.945.631 đồng (Năm mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi một đồng). Ông Phạm Văn M – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M không đưa ra được phương thức và thời gian cụ thể để thanh toán tiền điện cho nguyên đơn.

[12] Ông Phạm Văn M – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M đồng ý trả tiền điện cho Tổng Công ty Đ với điều kiện sau khi ông xử lý xong tài sản trong nhà xưởng của những người thuê xưởng.

[13] Tuy nhiên, căn cứ Hợp đồng mua bán điện số hợp đồng: 16/002637 ký kết ngày 10/8/2016 thì có cơ sở xác định Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M do ông Phạm Văn M làm chủ hộ là bên mua điện. Ông Phạm Văn M xác nhận ông là người trực tiếp ký kết hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Đ. Do đó, ông Phạm Văn M – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên mua điện là thanh toán tiền điện cho Tổng Công ty Đ theo thỏa thuận tại khoản 4 Điều 1 của Hợp đồng mua bán điện đã ký kết giữa hai bên. Mặt khác, theo ông trình bày thì hiện nay những người thuê xưởng đã bỏ đi nơi khác.

Vì vậy, việc ông đồng ý trả tiền điện cho Tổng Công ty Đ với điều kiện sau khi ông xử lý xong tài sản trong nhà xưởng của những người thuê xưởng thể hiện ông không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ của mình, đồng thời còn kéo dài thời gian thanh toán tiền điện cho Tổng Công ty Đ.

[14] Căn cứ vào khoản 4 Điều 1 của hợp đồng mua bán điện; Căn cứ khoản 12 Điều 3, Điều 50 và Điều 55 của Luật Thương mại năm 2005; giấy báo tiền điện đợt 1-tháng 11/2019, kỳ 12/2019 từ ngày 25/10/2019 đến ngày 24/11/2019; giấy báo tiền điện đợt 1-tháng 12/2019, kỳ 01/2020 từ ngày 25/11/2019 đến ngày 02/12/2019, có cơ sở xác định ông Phạm Văn M – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M đã vi phạm hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Đ.

[15] Căn cứ vào khoản 1 Điều 23 và điểm a khoản 2 Điều 46 của Luật Điện lực năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2012) quy định về nghĩa vụ của bên mua điện, theo đó bên mua điện phải thanh toán tiền điện đủ và đúng thời hạn cho bên bán điện. Ông Phạm Văn M – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M là bên mua điện đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền điện, vi phạm thời hạn thanh toán mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện.

[16] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Đ là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Phạm Văn M – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M trả cho Tổng Công ty Đ số tiền điện chưa thanh toán là 58.945.631 đồng (Năm mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi một đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[17] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông Phạm Văn M – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Phạm Văn M – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[18] Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà Tổng Công ty Đ đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 290, Điều 388 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 50, Điều 55, Điều 306 của Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Điều 22, 23, 46 của Luật Điện lực năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2012);

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Đ.

1.1. Buộc ông Phạm Văn M – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty Đ số tiền 58.945.631 (Năm mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi một đồng); trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Tổng Công ty Đ cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Văn M – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Phạm Văn M – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Phạm Văn M được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho Tổng Công ty Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0078703 ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS.HBC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Tuyền